

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HS-ST

Ngày: 29-10-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Khuyên.

Ông Đoàn Văn Chì.

Ông Dương Phong Ba.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tuấn Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Ngọc Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 10/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Khoảng Văn T (tên gọi khác: Không) sinh ngày 20/01/1991 tại tỉnh Đ. Nơi cư trú: Bản N, xã S, huyện M, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Khoảng Văn T1 sinh năm 1972 và bà Lường Thị L sinh năm 1974; bị cáo có vợ là Đinh Thị H sinh năm 1987 đã ly hôn và 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/6/2020 đến ngày 21/6/2020 tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nông Tiến B (tên gọi khác: Không) sinh ngày 16/10/1973 tại A, thành phố H. Nơi cư trú: Bản X, xã Y, huyện Z, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn L1 sinh năm 1944 và bà Tường Thị M sinh năm 1946; bị cáo có vợ là Lù Thị T3 sinh năm 1978 và 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án: Không, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Bị cáo là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam bị đình chỉ sinh hoạt đảng từ ngày 22/6/2020. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày

18/6/2020 đến ngày 21/6/2020 tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nông Tiến B:* Bà Triệu Thị H1 - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. (Có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Khoảng Văn T:* Ông Bùi Đình M - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 15/6/2020 Khoảng Văn T đang chơi ở sân vận động thị trấn X thì gặp Lò Huy H2 trú tại tổ R, thị trấn X, huyện C, tỉnh Điện Biên. H2 nói với T có người quen tên T3 ở huyện G muốn mua methamphetamine, xem chỗ nào mua về bán cho T3. Khoảng 12 giờ ngày 16/6/2020 H2 điện thoại bảo T đến nhà nghỉ N ở thị trấn M gặp T3 để bàn bạc, nghe H2 nói vậy T bảo Nông Tiến B lấy xe máy chở T đến nhà nghỉ N vào phòng 103 gặp T3 và H2. Tại đây T trực tiếp trao đổi mua bán với T3. Do T3 muốn kiểm tra chất lượng ma túy trước nên T đi ra khu vực sân vận động huyện C lấy 06 viên methamphetamine vào nhà nghỉ đưa cho T3 kiểm tra rồi cùng nhau sử dụng (Số methamphetamine này trước đây T mua của đối tượng tên P ở bên Lào, mục đích để bán nhưng chưa bán được nên T cất giấu ở đó). Sau khi kiểm tra T3 đặt mua 10 túi methamphetamine với giá 3.000.000 đồng/1 túi, T nhất trí và bảo B đi về. T và B bàn bạc thống nhất mang xe máy của B ra hiệu cầm đồ cầm lấy tiền cho T đi mua ma túy về bán cho T3, sau khi mua bán xong có tiền sẽ chuộc lại xe còn tiền lãi chia nhau. B mang xe máy Honda - Air Blade đi cầm đồ tại cửa hàng cầm đồ X ở thị trấn C được 13.000.000 đồng. Sau đó T mượn xe máy Honda - Dream biển kiểm soát 27Y1 - 022.35 của Nguyễn Văn L chở B đi về. Khi về đến nhà B lấy tiền vừa cầm đồ xe máy đưa cho T 12.500.000 đồng để T đi mua ma túy.

Ngày 17/6/2020 T đi qua mốc 79 biên giới Việt - Lào vào một lán nương gặp và mua của người tên là P 10 túi methamphetamine với giá 1.500.000 đồng/1 túi. T trả trước cho P 12.500.000 đồng, nợ lại 2.500.000 đồng. Trên đường về T cất giấu 10 túi Methamphetamine ở gần suối. Khoảng 8 giờ ngày 18/6/2020 T đến nhà B nói với B đã mua được 10 túi methamphetamine, T bảo B điều khiển xe máy chở T đi lấy methamphetamine để bán cho T3. Khi đi đến nơi cất giấu 10 túi methamphetamine T bảo B dừng xe, T xuống lấy 10 túi methamphetamine giấu trong áo trước bụng rồi cả hai tiếp tục đi. Trên đường đi T điện thoại bảo T3 đến nhà nghỉ N để trao đổi mua bán. Khi đến nhà nghỉ N T xuống xe còn B đi ra thị trấn M. T đi vào phòng nghỉ 103 nhà nghỉ N gặp T, cả hai đang trao đổi mua bán methamphetamine thì T bị tổ công tác Công an huyện M phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng gồm 10 túi methamphetamine có tổng khối lượng 193,146 gam. Lợi dụng sơ hở đối tượng T3 bỏ chạy thoát. Sau khi thu thập đầy đủ tài liệu, chứng

cứ Cơ quan điều tra đã ra lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Nông Tiến B.

Tại bản Kết luận giám định số 578/GĐ-PC09 ngày 26/6/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

- 10 (Mười) mẫu viên nén màu hồng ký hiệu từ M1 đến M10 trích ra từ vật chứng thu giữ của Khoảng Văn T và Nông Tiến B gửi giám định là chất ma túy: Loại Methamphetamine.

- Không tìm thấy chất ma túy trong 10 (mười) mẫu viên nén màu xanh ký hiệu từ X1 đến X10 thu giữ của Khoảng Văn T và Nông Tiến B gửi giám định.

- Khối lượng vật chứng thu giữ của Khoảng Văn T và Nông Tiến B gồm: 193,146 gam viên nén màu hồng và 1,893 gam viên nén màu xanh

- Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 323, mục IIC, Danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018.

Tại bản Cáo trạng số 73/CT-VKS-P1 ngày 12/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố các bị cáo Khoảng Văn T và Nông Tiến B ra trước Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên để xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử :

- Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự tuyên bố các bị cáo Khoảng Văn T, Nông Tiến B đều phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Khoảng Văn T mức án 20 năm tù.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nông Tiến B mức án 20 năm tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

- Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng và bản luận tội của Kiểm sát viên. Thực hiện lời nói sau cùng các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt

khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 251 và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Những người bào chữa cho các bị cáo đều không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa cũng như không có ý kiến khiếu nại gì về các quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, bị cáo Khoảng Văn T có ông nội được tặng thưởng huy chương kháng chiến, bị cáo Nông Tiến B có bố mẹ đều được tặng thưởng huy chương kháng chiến. Mặt khác số ma túy các bị cáo tham gia mua bán đã được cơ quan chức năng thu giữ kịp thời nên chưa phát tán ra ngoài xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xử phạt các bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt, tạo điều kiện cho các bị cáo cải tạo tốt sớm trở về với gia đình và xã hội. Do các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa các bị cáo Khoảng Văn T và Nông Tiến B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra được ghi nhận tại Biên bản bắt người phạm tội quả tang và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Các bị cáo đều khai nhận do có quen biết đối tượng tên là T3 giới thiệu nhà ở huyện G tỉnh Điện Biên cần đặt mua 10 túi Methamphetamine với giá 3.000.000 đồng/1 túi. Trước khi thỏa thuận mua bán ma túy với T3, Khoảng Văn T đã đưa cho T3, Lò Huy H2 và Nông Tiến B cùng sử dụng 06 viên ma túy tổng hợp để cho T3 kiểm tra chất lượng, sau khi T3 sử dụng xong đã nhất trí sẽ mua ma túy. Khoảng Văn T đã trao đổi với Nông Tiến B, cả hai cùng nhất trí đi tìm mua ma túy về để bán cho T3, để có tiền mua ma túy Nông Tiến B đã mang chiếc xe máy của mình đi cầm cố được 13.000.000 đồng rồi đưa cho T3 12.500.000 đồng, số còn lại B chi dùng cá nhân. Sau khi nhận được tiền của B, ngày 17/6/2020 tại khu vực mốc 79 biên giới Việt - Lào Khoảng Văn T đã tìm và mua được của đối tượng tên là P 10 túi methamphetamine với giá 1.500.000 đồng/01 túi và đã trả cho P số tiền 12.500.000 đồng, số còn lại hẹn khi nào bán được ma túy sẽ trả nốt. T mang ma túy cất giấu tại bờ suối gần nhà. Đến ngày 18/6/2020 T đã thông báo cho B biết mua được số ma túy và thống nhất cả hai cùng mang đi bán cho đối tượng tên T3, số lãi sau khi bán ma túy sẽ chia nhau mỗi người một nửa. Đến 08 giờ 45 phút ngày 18/6/2020 tại nhà nghỉ N thị trấn M, T đang trao đổi mua bán ma túy với đối tượng tên T3 thì bị bắt giữ cùng toàn bộ vật chứng vụ án gồm 193,146 gam

methamphetamine, đối tượng tên T3 lợi dụng sơ hở bỏ chạy thoát còn Nông Tiến B bị bắt khẩn cấp ngay sau đó.

Do đó Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nông Tiến B và Khoàng Văn T đã phạm vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết định khung hình phạt:

Hành vi mua bán trái phép 193,146 gam Methamphetamine của bị cáo Nông Tiến B và Khoàng Văn T, đối với Khoàng Văn T còn phải chịu trách nhiệm đối với 0,54 gam methamphetamine do đã cất giấu nhằm bán cho người khác, tổng cộng Khoàng Văn T phải chịu trách nhiệm là 193,686 gam methamphetamine. Hành vi đó của các bị cáo đã vi phạm tình tiết định khung quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[2] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, trực tiếp là hoạt động tàng trữ, vận chuyển, mua bán các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự và dư luận xấu trên địa bàn. Mặt khác ma túy là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Nguyên nhân xuất phát từ động cơ, mục đích mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo do háo hức. Trong vụ án này có hai bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, Khoàng Văn T là người trực tiếp đi mua ma túy còn Nông Tiến B là người cầm cố xe máy của mình để đưa tiền cho T đi mua ma túy về, sau đó cả hai bị cáo cùng nhau đưa ma túy đi bán cho đối tượng khác thì bị cơ quan chức năng bắt giữ, do đó vai trò của hai bị cáo trong vụ án là ngang nhau.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Các bị cáo Khoàng Văn T và Nông Tiến B không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Sau khi bị bắt các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo Khoàng Văn T có ông nội được tặng thưởng huân chương kháng chiến, bố mẹ đẻ bị cáo Nông Tiến B được tặng huân, huy chương kháng chiến nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng mặc dù ngoài lần phạm tội này các bị cáo chưa bị xét xử về một tội danh nào khác và chưa bị xử lý vi phạm hành chính song các bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện, thường xuyên sử dụng ma túy, sau đó thực hiện hành vi phạm tội và phải chịu hình phạt theo quy định của pháp luật. Để nghiêm trị những hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, nhất là tội phạm về ma túy. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù có thời hạn để giáo dục các bị cáo và lấy đây làm bài học cảnh báo chung cho toàn xã hội, phục vụ cho công tác đấu tranh, ngăn ngừa các loại tội phạm trong

tình hình hiện nay. Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, người bào chữa cho các bị cáo về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cũng như phần hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ cần chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, theo quy định khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhận chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm”*. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thì nghề nghiệp chính của các bị cáo là lao động tự do, không có nguồn thu nhập nào khác, điều kiện kinh tế gia đình còn gặp khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Công an tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục các quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý như sau:

- Đối với số ma túy là vật chứng vụ án còn lại sau khi trừ mẫu giám định cần bị tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 02 chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo Khoảng Văn T là phương tiện bị cáo dùng để làm phương tiện phạm tội cần bị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 02 chiếc điện thoại thu giữ của Nông Tiến B không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo và các giấy tờ tùy thân cần trả lại cho bị cáo.

[7] Về án phí: Theo quy định tại các Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do các bị cáo sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên cần miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[8] Những vấn đề liên quan khác: Trong vụ án theo lời khai của các bị cáo còn có đối tượng tên là T3 giới thiệu nhà ở G nhưng các bị cáo đều không biết chính xác họ tên, nhân thân lai lịch nên không có đủ căn cứ xử lý trong vụ án này.

Đối với đối tượng tên Lò Huy H2 theo lời khai các bị cáo khai H2 là người giới thiệu cho T3 để T và B bán ma túy cho T3. Nhưng Lò Huy H2 không thừa nhận và không biết việc T, B, T3 trao đổi mua bán ma túy với nhau. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Khoảng Văn T, Nông Tiến B đều phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2. Hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Khoảng Văn T 20 (Hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/6/2020.

2.2. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nông Tiến B 20 (Hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/6/2020.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

* *Tịch thu tiêu hủy:* 01 (một) phong bì niêm phong vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, các mép được dán kín. Trong đó có chứa 188,646 gam Methamphetamine.

* *Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:* 02 chiếc điện thoại trong đó có 01 chiếc điện thoại NOKIA, màu đen tím, loại bàn phím và 01 chiếc điện thoại NOKIA, màu đen loại bàn phím đựng trong 01 phong bì niêm phong vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, các mép được dán kín. Tạm giữ của Khoảng Văn T.

* *Trả lại cho bị cáo Khoảng Văn T:* 01 chiếc chứng minh nhân dân mang tên Khoảng Văn T, số 040386715, cấp ngày 19/10/2018, nơi cấp: Công an tỉnh Điện Biên.

* *Trả lại cho bị cáo Nông Tiến B:*

- 01 chứng minh nhân dân mang tên Nông Tiến B, số 040407249 cấp ngày 10/11/2011, nơi cấp: Công an tỉnh Điện Biên.

- 02 chiếc điện thoại trong đó có 01 chiếc điện thoại NOKIA màu đen loại bàn phím và 01 chiếc điện thoại Sam Sung màu đen loại màn hình cảm ứng đựng trong 01 phong bì niêm phong vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, các mép được dán kín. Tạm giữ của Nông Tiến B.

(Theo Biên bản bàn giao, nhận vật chứng ngày 12/10/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Khoảng Văn T và Nông Tiến B.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/10/2020).

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – TAND tối cao.
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Trại tạm giam CA tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- UBND xã (Thông báo);
- Phòng Hành chính Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Trọng Đoàn